

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh

Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (TNBTCNN) năm 2017 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 20/6/2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018. Để triển khai thi hành Luật, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN (Nghị định số 68/2018/NĐ-CP). Nghị định này đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức thực hiện thống nhất công tác giải quyết bồi thường và quản lý nhà nước về công tác bồi thường trên phạm vi toàn quốc.

Qua quá trình triển khai thực hiện, các quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thấy, với tinh thần trách nhiệm và sự bài bản, đồng bộ trong công tác triển khai thi hành Luật, hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, giải quyết yêu cầu bồi thường, xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ ngày càng được thực hiện hiệu quả. Việc ban hành và tổ chức thực hiện Luật TNBTCNN cơ bản đã đạt được mục đích khi ban hành, hoàn thành vai trò, sứ mệnh của mình trong giai đoạn vừa qua, đã góp phần khẳng định trách nhiệm của Nhà nước với Nhân dân, giúp củng cố niềm tin của Nhân dân vào chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, từ đó góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu thực thi Hiến pháp năm 2013 và Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với công tác giải quyết yêu cầu bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ, về cơ bản các cơ quan giải quyết bồi thường tại nhiều địa phương đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm thụ lý yêu cầu bồi thường, xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường và tổ chức thực hiện xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Qua đó cho thấy, Luật TNBTCNN đã đáp ứng yêu cầu và mục tiêu tạo cơ chế đặc thù, khả thi để người bị thiệt hại thực hiện quyền yêu cầu bồi thường, đồng thời, bảo đảm sự ổn định của hoạt động công vụ, bảo

đảm giải quyết hài hòa lợi ích giữa một bên là Nhà nước, cơ quan nhà nước, người thi hành công vụ và một bên là cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp bị thiệt hại. Nhiều vụ việc yêu cầu bồi thường theo Luật TNBTCNN đã được giải quyết, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại, qua đó nâng cao lòng tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước, góp phần giảm thiểu những vụ việc khiếu nại, khiếu kiện kéo dài, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013.

Thứ hai, hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước của Bộ Tư pháp, UBND cấp tỉnh và sự phối hợp của các Bộ, ngành trong thực hiện hoạt động quản lý nhà nước được thực hiện thường xuyên, đồng bộ, hiệu quả. Sở Tư pháp tại nhiều địa phương đã phát huy hiệu quả vai trò của mình trong việc tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường. Các hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tiếp tục được các địa phương thực hiện nghiêm túc, tích cực, chủ động với phương châm thực hiện các hoạt động nhằm phòng ngừa, hạn chế các sai phạm làm phát sinh TNBTCNN.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, yêu cầu thể chế hóa các chủ trương, chính sách mới của Đảng, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số quốc gia và việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương mới, một số quy định của Luật TNBTCNN năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, cần được sửa đổi, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, tại Kỳ họp Quốc hội không thường lệ thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027 với nhiều đổi mới quan trọng về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, về cơ quan giải quyết bồi thường, về trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường, về kinh phí bồi thường và thủ tục chi trả, về quản lý nhà nước về công tác bồi thường của Nhà nước. Những nội dung sửa đổi, bổ sung này sẽ góp phần tạo thuận lợi hơn cho người bị thiệt hại trong quá trình thực hiện quyền yêu cầu bồi thường, bảo đảm quyền, lợi ích của người bị thiệt hại, nâng cao hiệu quả công tác bồi thường nhà nước. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác tổ chức thi hành, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa các quy định pháp luật, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan.

Trong bối cảnh Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN được ban hành và sớm có hiệu lực thi hành, việc tổng kết tình hình thực hiện quy định chi tiết và biện pháp tổ chức thi hành Luật TNBTCNN năm 2017 theo quy định tại Nghị định số 68/2018/NĐ-CP có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là hoạt động đánh giá kết quả thực hiện các quy định hiện hành, mà còn là cơ sở để rà soát mức độ đáp ứng của hệ thống tổ chức thi hành đối với các

yêu cầu mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN; xác định những nội dung cần kế thừa, phát huy, những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung hoặc khắc phục trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

Việc tổng kết nhằm đánh giá toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; xây dựng và hoàn thiện thể chế; tuyên truyền, phổ biến pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác bồi thường nhà nước, các nhiệm vụ quản lý nhà nước và các biện pháp tổ chức thi hành khác. Kết quả tổng kết sẽ là căn cứ quan trọng để đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm triển khai hiệu quả, đồng bộ và thống nhất Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN trên phạm vi cả nước, đáp ứng yêu cầu thể chế hóa các chủ trương mới của Đảng, yêu cầu về cải cách hành chính, chuyển đổi số và bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Trên cơ sở kết quả sơ kết 05 năm thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn, tổ chức thi hành Luật; tổng hợp kết quả theo dõi, đánh giá tình hình triển khai thi hành Luật TNBTCNN năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, ngành, địa phương; kết quả công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ triển khai thực hiện Luật TNBTCNN năm 2017 trên toàn quốc từ năm 2017 đến nay, Bộ Tư pháp xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện

1.1. Công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Để bảo đảm triển khai thống nhất Luật TNBTCNN năm 2017 trên phạm vi cả nước, Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp và các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành 05 Thông tư hướng dẫn thi hành và 03 Thông tư bãi bỏ, trong đó Bộ Tư pháp đã chủ trì xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành 06 Thông tư (gồm 03 Thông tư hướng dẫn thi hành và 03 Thông tư bãi bỏ một số thông tư)¹, Tòa án nhân dân tối

¹ Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước; Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước; Thông tư số 11/2018/TT-BTP ngày 30/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành trong lĩnh vực bồi thường nhà nước; Thông tư liên tịch số 15/2018/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 27/11/2018 của Bộ Tư pháp, TANDTC và VKSNDTC bãi bỏ Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 23/01/2014 giữa Bộ trưởng Bộ Tư pháp với Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC hướng dẫn thực hiện trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ; Thông tư liên tịch số 17/2018/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 20/12/2018 bãi bỏ Thông tư liên tịch số 22/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 21/11/2014 giữa Bộ trưởng Bộ Tư pháp với Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC,

cao (TANDTC) đã ban hành 01 Thông tư hướng dẫn về giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính của Tòa án², Bộ Công an đã ban hành 01 Thông tư quy định về quy trình giải quyết yêu cầu bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự, hoạt động thi hành án hình sự, hoạt động quản lý hành chính trong ngành Công an³. Việc ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện thống nhất từ trung ương đến địa phương; đồng thời Bộ Tư pháp thường xuyên rà soát, hướng dẫn áp dụng pháp luật, giải đáp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, góp phần bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật về TNBTCNN trên phạm vi cả nước.

1.2. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện

Bộ Tư pháp đã chủ động tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ thi hành Luật TNBTCNN năm 2017, Nghị định số 68/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các bộ, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch triển khai, xác định nhiệm vụ, lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị và địa phương. Đồng thời, hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước của Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành và địa phương đều ban hành kế hoạch riêng hoặc lồng ghép việc triển khai thi hành Luật TNBTCNN trong kế hoạch công tác tư pháp của cơ quan mình⁴.

1.3. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TNBTCNN

Ngay sau khi Nghị định số 68/2018/NĐ-CP được ban hành, việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đã được các Bộ, ngành và địa phương thực hiện với nhiều hình thức⁵ phù hợp với từng nhóm đối tượng và điều kiện thực tế. Thông qua công tác tuyên truyền, nhận thức của người dân về vai trò, ý nghĩa của công tác bồi thường ngày càng được nâng cao, góp phần bảo đảm tốt hơn quyền yêu cầu bồi thường của người bị thiệt hại, nâng cao chất lượng công vụ, qua đó phòng ngừa các sai phạm làm phát sinh TNBTCNN.

1.4. Công tác tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ

Sau khi Nghị định số 68/2018/NĐ-CP được ban hành, Bộ Tư pháp và các địa phương đã thường xuyên tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác bồi thường nhà nước. Nội dung tập huấn tập trung vào những kỹ năng, nghiệp vụ trong việc giải quyết bồi

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng.

² Thông tư số 02/2023/TT-TANDTC ngày 24/8/2023.

³ Thông tư số 112/2020/TT-BCA ngày 21/10/2020.

⁴ Đặc biệt, UBND thành phố Hồ Chí Minh và UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là UBND thành phố Hồ Chí Minh) đã ban hành Chỉ thị về triển khai thi hành Luật TNBTCNN, theo đó đã xác định rõ những nhiệm vụ triển khai, tổ chức thi hành Luật TNBTCNN và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

⁵ Đăng tải trên trang điện tử, bản tin tư pháp, qua hệ thống phát thanh, truyền hình; tổ chức các buổi tuyên truyền trong nhân dân; in cấp phát tờ rơi, tờ gấp; xuất bản sách chuyên đề, sổ tay, cẩm nang về TNBTCNN; lồng ghép trong sinh hoạt “Ngày pháp luật”, “Câu lạc bộ pháp luật”; xây dựng Tủ sách pháp luật...

thường và quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước. Thông qua các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ đã giúp cho đội ngũ công chức làm công tác bồi thường nắm bắt được các quy định của pháp luật, từng bước nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ để từ đó tham mưu thực hiện hiệu quả công tác bồi thường nhà nước.

1.5. Công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc thực hiện công tác bồi thường nhà nước

Thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều đoàn công tác thực hiện kiểm tra, theo dõi, đôn đốc thực hiện công tác bồi thường nhà nước. Thông qua công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra cho thấy, các địa phương đều nghiêm túc triển khai thi hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP; đồng thời, thông qua các hoạt động này, Bộ đã nắm bắt được tình hình thực hiện công tác bồi thường nhà nước, việc giải quyết các vụ việc yêu cầu bồi thường, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các địa phương khi thực hiện công tác bồi thường nhà nước, nhất là trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

1.6. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác bồi thường nhà nước

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác bồi thường nhà nước luôn được Bộ Tư pháp quan tâm, thực hiện. Thực hiện chủ trương của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kế hoạch 02/KH-BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử và các Thông báo kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ Tư pháp đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư công về “*Hệ thống thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm và bồi thường nhà nước*” giai đoạn 2026-2028 (ban hành kèm theo Quyết định số 2606/QĐ-BTP ngày 14/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp). Hiện Bộ đang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Dự án bảo đảm tiến độ, yêu cầu.

1.7. Tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả

- Tình hình yêu cầu bồi thường và giải quyết yêu cầu bồi thường

Qua tổng hợp báo cáo của các Bộ, ngành và địa phương, từ khi Luật có hiệu lực ngày 01/7/2018 đến hết 31/12/2025, các cơ quan có trách nhiệm bồi thường trên toàn quốc đã thụ lý, giải quyết 225 vụ việc yêu cầu bồi thường, trong đó, số

vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật và đình chỉ là 197/225 vụ việc (trong đó 160 vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật với tổng số tiền nhà nước phải bồi thường là 118 tỷ 47 triệu 43 nghìn đồng, 37 vụ việc đã đình chỉ), đạt tỷ lệ 87,5% (cao hơn 8,5% so với tỷ lệ vụ việc đã giải quyết xong trung bình năm của giai đoạn thi hành Luật TNBTCNN năm 2009⁶), còn lại 28 vụ việc đang tiếp tục giải quyết.

Cụ thể như sau:

+ Trong hoạt động quản lý hành chính: Các cơ quan giải quyết bồi thường đã thụ lý, giải quyết là 93 vụ việc; số vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật là 61 vụ việc, với số tiền Nhà nước phải bồi thường là 30 tỷ 175 triệu 924 nghìn đồng; 20 vụ việc đã đình chỉ; 12 vụ việc đang được tiếp tục giải quyết.

+ Trong hoạt động tố tụng: Các cơ quan giải quyết bồi thường đã thụ lý, giải quyết 88 vụ việc, số vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật là 71 vụ việc với số tiền Nhà nước phải bồi thường là 73 tỷ 528 triệu 226 nghìn đồng; 08 vụ việc đã đình chỉ; 09 vụ việc đang được tiếp tục giải quyết, cụ thể:

Trong hoạt động tố tụng hình sự, TAND các cấp thụ lý, giải quyết 10 vụ việc; số vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực là 10 vụ việc (đạt 100%), với số tiền phải bồi thường là 10 tỷ 249 triệu 692 nghìn đồng. VKSND các cấp thụ lý, giải quyết 71 vụ việc; số vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực là 59 vụ việc, với số tiền phải bồi phải thường là 60 tỷ 355 triệu 208 nghìn đồng; 08 vụ việc đã đình chỉ; 04 vụ việc đang giải quyết. Cơ quan Công an đã thụ lý, giải quyết 07 vụ việc; số vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực là 02 vụ việc, với số tiền phải bồi thường là 2 tỷ 923 triệu 326 nghìn đồng; 05 vụ việc đang giải quyết.

Trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính: không phát sinh vụ việc yêu cầu bồi thường.

+ Trong hoạt động thi hành án: các cơ quan giải quyết bồi thường trong hoạt động THADS đã thụ lý, giải quyết 44 vụ việc; số vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật là 28 vụ việc, với số tiền Nhà nước phải bồi thường là 14 tỷ 342 triệu 893 nghìn đồng; 09 vụ đình chỉ; 07 vụ việc đang được tiếp tục giải quyết. Trong hoạt động thi hành án hình sự không phát sinh vụ việc yêu cầu bồi thường.

- Tình hình cấp phát kinh phí, chi trả tiền bồi thường

Trong giai đoạn từ ngày 01/7/2018 đến hết ngày 31/12/2025, Bộ Tài chính đã cấp tổng số kinh phí thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo quy định của

⁶ Theo Báo cáo số 181/BC-BTP ngày 15/7/2016 của Bộ Tư pháp tổng kết 06 năm thi hành Luật TNBTCNN năm 2009: từ khi Luật TNBTCNN năm 2009 có hiệu lực đến ngày 31/12/2015, các cơ quan có trách nhiệm bồi thường đã giải quyết 204/258 vụ việc yêu cầu bồi thường (đạt tỷ lệ 79%), với tổng số tiền nhà nước phải bồi thường là 111 tỷ 149 triệu 416 nghìn đồng.

Luật TNBTCNN cho các cơ quan TANDTC, VKSNDTC, Cục Quản lý THADS, Bộ Tư pháp và một số cơ quan khác với hơn 100 tỷ đồng⁷ để các cơ quan thực hiện việc cấp, chi trả tiền bồi thường và thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở kinh phí được cấp, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại đã chi trả cho người yêu cầu bồi thường tổng số tiền 102 tỷ 644 triệu 997 nghìn đồng, cụ thể: trong hoạt động quản lý hành chính chi trả 16 tỷ 949 triệu 472 nghìn đồng; trong hoạt động tố tụng hình sự chi trả 71 tỷ 787 triệu 227 nghìn đồng⁸; trong hoạt động thi hành án chi trả 13 tỷ 908 triệu 298 nghìn đồng.

- Tình hình thực hiện trách nhiệm hoàn trả

Qua tổng hợp, tính đến hết ngày 31/12/2025, có 118 vụ việc đã chi trả tiền bồi thường trong số 160 vụ việc đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật. Các cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại xem xét hoàn trả đối với 118 vụ việc, trong đó có 29 vụ việc đã có quyết định hoàn trả, 37 vụ việc đang xem xét, 52 vụ không xem xét trách nhiệm hoàn trả⁹. Số vụ việc trong từng lĩnh vực cụ thể là: 35 vụ việc trong hoạt động quản lý hành chính, 68 vụ việc trong hoạt động tố tụng hình sự, 15 vụ việc trong hoạt động THADS. Tổng số tiền phải hoàn trả theo các quyết định xem xét trách nhiệm hoàn trả có hiệu lực trong 03 hoạt động là 2 tỷ 873 triệu 564 nghìn đồng.

2. Đánh giá chung

Nghị định số 68/2018/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức thi hành Luật TNBTCNN năm 2017 thống nhất trên phạm vi cả nước. Các quy định của Nghị định được các Bộ, ngành và địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện và đạt được những kết quả tích cực, góp phần đưa Luật TNBTCNN vào cuộc sống, tạo dựng cơ sở pháp lý đầy đủ, kịp thời để tổ chức thực hiện Luật TNBTCNN.

Nghị định số 68/2018/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan giải quyết bồi thường thực hiện việc giải quyết yêu cầu bồi thường cho người bị thiệt hại được nhanh chóng, kịp thời, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị

⁷ Theo các Báo cáo của Bộ Tài chính: Báo cáo sơ kết 05 năm thi hành Luật TNBTCNN; Báo cáo 379/BC-BTC ngày 24/12/2024 về việc báo cáo công tác bồi thường nhà nước năm 2024; Báo cáo số 18936/BTC-PC ngày 05/12/2025 về việc báo cáo công tác bồi thường của Nhà nước năm 2025.

⁸ Ngành Tòa án chi trả 9 tỷ 461 triệu 206 nghìn đồng, ngành Kiểm sát chi trả 59 tỷ 402 triệu 695 nghìn đồng, ngành Công an chi trả 2 tỷ 923 triệu 326 nghìn đồng.

⁹ Theo Báo cáo sơ kết 05 năm thi hành Luật TNBTCNN của VKSNDTC (CV số 3389/VKSTC-V7 ngày 21/8/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao), các trường hợp không xem xét trách nhiệm hoàn trả là các vụ việc đã được bồi thường đa số là những vụ việc cách đây hàng chục năm, khi xem xét trách nhiệm hoàn trả đều do lỗi vô ý, không có mục đích, động cơ vụ lợi, không cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án. Mặt khác, cán bộ, điều tra viên, kiểm sát viên ... đều đã già yếu, nghỉ hưu hoặc qua đời... nên đa số các vụ việc bồi thường trong kỳ áp dụng pháp luật về bồi thường trước khi có Luật TNBTCNN năm 2017, do đó không xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với lỗi vô ý. Ngoài ra, có một số vụ việc không xem xét trách nhiệm hoàn trả do người thi hành công vụ hoặc Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại tự chi trả số tiền bồi thường cho người bị thiệt hại.

thiệt hại. Đồng thời giúp cho hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước được thực hiện hiệu quả. Việc tổ chức thi hành Luật TNBTCNN nói chung và Nghị định số 68/2018/NĐ-CP nói riêng đã góp phần khẳng định trách nhiệm của Nhà nước với Nhân dân, giúp củng cố niềm tin của Nhân dân vào chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, từ đó góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu thực thi Hiến pháp năm 2013 và Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

3. Những hạn chế, bất cập

Thực tiễn thi hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP cho thấy, một số quy định của Nghị định đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập, cụ thể:

3.1. Một số quy định của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP chưa phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước sau sắp xếp như: Quy định về xác định thị trường để xác định giá trị tài sản tại Điều 3 (không còn thị trường cấp huyện); quy định về cơ quan giải quyết bồi thường tại Điều 19 và 20 (không còn Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao...); quy định về thành phần tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại tại Điều 28 (không còn tổ chức công đoàn tại các cơ quan nhà nước)...

3.2. Một số quy định của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP còn chưa rõ ràng, chưa cụ thể nên trong thực tiễn áp dụng còn phát sinh vướng mắc hoặc còn có cách hiểu, áp dụng chưa thống nhất

- Tại điểm khoản 3 Điều 10 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP mới chỉ quy định bồi thường chi phí chăm sóc cho người bị thiệt hại đến thời điểm người bị thiệt hại đạt tuổi thọ trung bình do cơ quan có thẩm quyền công bố và cộng thêm 10 năm. Tuy nhiên, đối với trường hợp người bị thiệt hại sống qua độ tuổi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 thì hiện nay Nghị định chưa quy định bồi thường chi phí chăm sóc cho người thiệt hại trong khoảng thời gian đó.

- Quy định về thời điểm kết thúc để tính một số thiệt hại (thiệt hại về tinh thần quy định tại khoản 3 Điều 27) của Luật còn chưa rõ ràng, có thể dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Chẳng hạn như quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP quy định "...khoảng thời gian được tính kể từ ngày người bị thiệt hại đã chấp hành xong hình phạt cho đến ngày có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường", việc quy định thời điểm kết thúc là ngày "có" văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường còn chưa rõ ràng, có thể dẫn đến cách hiểu là ngày người bị thiệt hại có văn bản hay ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản.

3.3. Một số quy định của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP chưa đầy đủ, chưa cụ thể nên trong thực tiễn còn gặp vướng mắc, khó khăn, chẳng hạn như:

- Chưa có quy định đối với việc không xác định được thị trường có tài sản cùng loại hoặc cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và chất lượng thì việc xác định thiệt hại được thực hiện như thế nào.

- Điều 45, 46 của Luật có quy định về việc cơ quan tài chính, cơ quan quản lý nhà nước tham gia vào việc xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường nhưng Nghị định chưa có hướng dẫn cụ thể việc tham gia của cơ quan tài chính thông qua các cách thức nào hoặc tham gia thì phát biểu, cho ý kiến đối với những nội dung nào.

- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP mới chỉ quy định việc Sở Tư pháp xác định cơ quan giải quyết bồi thường trên cơ sở đề nghị của người yêu cầu bồi thường mà chưa quy định việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường trên cơ sở đề nghị của các cơ quan nhà nước khác.

Bên cạnh đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung, nhiều trình tự, thủ tục không được quy định cụ thể tại Luật mà sẽ được quy định tại Nghị định. Đồng thời, nhiều nội dung mới được bổ sung tại Luật như quy định về miễn, giảm hoàn trả, quy định về kinh phí, thủ tục chi trả tiền bồi thường, quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước cũng cần được Nghị định hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục để bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 68/2018/NĐ-CP

- Về phạm vi điều chỉnh: Cần nghiên cứu xây dựng Nghị định với phạm vi điều chỉnh bao gồm:

(i) Kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP; khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong các quy định của Nghị định và trong quá trình triển khai thi hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

(ii) Quy định chi tiết các nội dung được Luật TNBTCNN giao, bao gồm: quy định về thiệt hại được bồi thường, thủ tục giải quyết bồi thường, kinh phí bồi thường và thủ tục chi trả, xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ và quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

(iii) Quy định các biện pháp bảo đảm thi hành Luật TNBTCNN.

- Về trình tự, thủ tục và tiến độ: xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục thông thường và trình Chính phủ trong tháng 12/2026, bảo đảm Nghị định có hiệu lực đồng thời với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN.

2. Tổ chức triển khai Nghị định sau khi được ban hành

2.1. Bộ Tư pháp tổ chức các hoạt động để tổ chức triển khai thi hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN: xây dựng tài liệu; tổ chức truyền thông, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về

TNBTCNN; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra; hướng dẫn các bộ ngành và địa phương trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Nghị định.

2.2. Kiến nghị các Bộ, ngành và địa phương:

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN và Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN tại Bộ, ngành và địa phương mình; rà soát các điều kiện bảo đảm thi hành, nhất là về nhân lực, kinh phí.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN, Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật; Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, kịp thời phát hiện và xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Bộ Tư pháp xin báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgCP Lê Tiến Châu (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, Cục CDK&BTNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Ngọc